

Số: 442/QĐ-TT-CLT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận lưu hành giống cây trồng

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT

Căn cứ Quyết định số 4179/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt;

Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH Syngenta Việt Nam tại văn bản ngày 16/11/2023 về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của Trưởng phòng Cây lương thực, Cây thực phẩm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành giống lúa lai ba dòng SYN8:

Mã số lưu hành: CNLH.2023.137;

Tổ chức đăng ký lưu hành: Công ty TNHH Syngenta Việt Nam;

Phạm vi lưu hành: Vụ Xuân, Hè Thu, Mùa tại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ;

Thời gian lưu hành: 10 năm kể từ ngày ký Quyết định;

Thông tin về giống lúa lai ba dòng SYN8 được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng BHGCT;
- Trung tâm KKN Giống, SPCT QG;
- Văn phòng Cục (đăng tải lên Cổng thông tin điện tử Cục TT);
- Lưu: VT, CLT.



Phụ lục
MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG SYN8
(Kèm theo Quyết định số: 442/QĐ-TT-CLT ngày 28 tháng 11 năm 2023
của Cục trưởng Cục Trồng trọt)

Tên tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận lưu hành/tự công bố lưu hành: Công ty TNHH Syngenta Việt Nam.

- Địa chỉ: Số 16 Đường 3A, khu Công nghiệp Biên Hòa 2, phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251.88.26.026;

- Email: info.vnfc@syngenta.com

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: Giống lúa lai ba dòng SYN8

2. Thông tin về giống lúa lai ba dòng SYN8:

2.1. Đặc tính giống cây trồng:

2.1.1. Đặc tính của giống lúa lai ba dòng SYN8 qua kết quả khảo nghiệm cơ bản, khảo nghiệm sản xuất:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính hoặc điểm | Mức độ biểu hiện |
|--------------------------------|-----------------------|---|
| 1. Sức sống của mạ (điểm) | 1-5 | Trung bình |
| 2. Độ dài giai đoạn trổ (điểm) | 1-5 | Trung bình |
| 3. Độ thuần đồng ruộng (điểm) | 1 | Cao |
| 4. Độ thoát cỏ bông (điểm) | 1 | Thoát hoàn toàn |
| 5. Độ cứng cây (điểm) | 1 | Cây cứng |
| 6. Độ tàn lá (điểm) | 1-5 | Muộn - Trung bình |
| 7. Thời gian sinh trưởng | Ngày | Vụ Xuân: 121 - 136; Vụ Mùa, Hè thu: 106 - 109. |
| 8. Chiều cao cây TB | cm | 101 - 117 |
| 9. Độ rụng hạt (điểm) | 1-5 | Khó rụng - Trung bình |
| 10. Số bông hữu hiệu | bông/khóm | 6,2 - 6,8 |
| 11. Số hạt chắc trên bông | hạt/bông | 159- 174 |
| 12. Tỷ lệ lép | % | 6,0 - 10,1 |
| 13. Khối lượng 1000 hạt | Gam | 27,2 - 27,9 |
| 14. Năng suất hạt | tạ/ha | Vụ Xuân: 61,4 - 82,2 Vụ Mùa, Hè thu: 58,9 - 67,5 |
| 15. Chất lượng thóc gạo | | |
| Tỷ lệ gạo lứt | % | 79,57- 81,28 |



| | | |
|--------------------------|------|---------------|
| Tỷ lệ gạo xát | % | 66,94-69,73 |
| Tỷ lệ gạo nguyên/gạo xát | % | 56,29 - 71,78 |
| Chiều dài hạt gạo | mm | 6,8 - 6,9 |
| Tỷ lệ D/R | | 2,8 |
| Tỷ lệ trắng trong | % | 79,30 - 91,58 |
| Độ trắng bạc | | Hơi bạc |
| Hàm lượng amylose | % CK | 14,88 - 15,35 |
| Độ bền thể gel | | Mềm |
| Nhiệt độ hóa hồ | | Trung bình |
| 16. Chất lượng cơm | | |
| Mùi | điểm | 2,0 - 2,3 |
| Độ mềm dẻo | điểm | 3,9 |
| Độ trắng | điểm | 5,0 |
| Vị ngon | điểm | 2,8 - 3,0 |

* Vật liệu nhân giống: Chất lượng hạt giống lúa phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

* Kết quả đánh giá khảo nghiệm kiểm soát như sau:

- Bệnh đạo ôn: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) với nguồn bệnh đạo ôn đại diện cho các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ;

- Bệnh bạc lá: Nhiễm (cấp bệnh 7/9) với nguồn bạc lá đại diện các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ;

- Rầy nâu: Nhiễm vừa (cấp hại 5/9) với nguồn rầy nâu đại diện cho các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng.

a) Hướng dẫn bảo quản: Hạt giống trước khi đưa vào bảo quản phải sạch tạp chất, phơi sấy khô đạt tới thủy phần an toàn. Hạt giống được bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát; Không để chung hạt giống với lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc và vật tư nông nghiệp khác...; Đề phòng chuột cắn thủng, rách bao bì làm hỏng hạt giống; Kiểm tra định kỳ về tỷ lệ nảy mầm, sâu mọt...

b) Thời hạn sử dụng: Theo khuyến cáo ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

c) Thời vụ gieo trồng và vùng sản xuất: Thích hợp gieo cấy vụ xuân, vụ mùa, vụ hè thu ở các tỉnh Bắc Trung bộ và Đồng bằng sông Hồng.

2.3. Tóm tắt quy trình gieo trồng và chăm sóc:

a) Thời vụ gieo cấy: Căn cứ vào điều kiện thực tiễn và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn tại địa phương để bố trí thời vụ gieo cấy hợp lý.

- Vụ xuân: Tại các tỉnh Bắc Trung Bộ: lúa cấy gieo mạ từ 20/12 (năm trước) đến 15/01 (năm sau), cấy khi mạ 4,5 - 5 lá; gieo thẳng từ 30/01 đến 10/02 dương lịch.

Các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng cần bố trí gieo cấy đảm bảo lúa trở an toàn trong khoảng từ 5 - 15/5: mạ được gieo từ 10/01 đến 31/01 dương lịch, cấy khi mạ có 4,5 - 5 lá; mạ sạ gieo xung quanh tiết lập Xuân; gieo thẳng (sạ) từ 10 - 20/02, khi nhiệt độ trung bình ngày đêm $> 15^{\circ}\text{C}$.

- Vụ mùa (hè thu): Các tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ: Bố trí thời vụ gieo cấy phải đảm bảo được yêu cầu sau: Vụ hè thu thâm canh: Thu hoạch chậm nhất 20/9, vụ Mùa sớm: Thu hoạch trong tháng 9. Mạ được gieo trong khoảng 15/5 đến 5/6, cấy khi mạ đạt 4-5 lá (mạ khoảng 16-18 ngày tuổi).

Các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng: Lúa cấy gieo mạ từ 01/6 - 25/6, cấy ở tuổi mạ từ 15 - 18 ngày; gieo thẳng (sạ) từ 20 - 30/6.

b) Lượng giống và mật độ cấy

- Lúa cấy: Lượng giống cần 28 - 30 kg/ha với mật độ 30 - 35 khóm/m² (vụ xuân) và 35 - 40 khóm/m² (vụ mùa), cấy 1 - 2 dảnh/khóm.

- Lúa gieo thẳng (sạ) lượng giống sử dụng 45 - 55 kg/ha.

c) Bón phân

- Lượng phân bón cho 1 ha: tùy từng điều kiện đất đai, thời vụ, vụ xuân bón 8 - 10 tấn phân chuồng (nếu có) hoặc 1 tấn phân hữu cơ vi sinh + 120 kg N + 90 kg P₂O₅ + 100 kg K₂O; vụ Mùa (Hè thu) bón 8 - 10 tấn phân chuồng (nếu có) hoặc 1 tấn phân hữu cơ vi sinh + 110 kg N + 90 kg P₂O₅ + 90 kg K₂O.

- Cách bón: Nguyên tắc bón nặng đầu nhẹ cuối, bón thúc sớm cho lúa đẻ nhánh sớm, tập trung, đảm bảo được số dảnh hữu hiệu/m².

+ Bón lót toàn bộ phân chuồng (hoặc phân hữu cơ vi sinh) + 100%P₂O₅ + 25% N + 25% K₂O.

+ Bón thúc: 2 lần

Bón thúc lần 1: Sau khi lúa bén rễ hồi xanh 50% N + 25% K₂O.

Bón thúc lần 2: Khi lúa phân hóa đòng, bón hết lượng phân còn lại (25% N + 50% K₂O).

Ngoài ra, có thể sử dụng phân bón NPK tổng hợp để bón nhưng cần đảm bảo liều lượng phân N:P:K như trên

d) Chăm sóc:

- Tưới nước: Sau khi cấy giữ lớp nước 3 - 5 cm cho lúa hồi xanh, sau đó thường xuyên giữ nước ở mực nước 2 - 3 cm trong thời kỳ lúa đẻ nhánh. Khi



lúa kết thúc đẻ nhánh tối đa nên rút nước phơi ruộng trong 5 - 7 ngày sau đó tưới và giữ đủ nước trong suốt thời kỳ làm đòng, trổ bông và vào chắc. Trước khi thu hoạch 7 - 10 ngày rút kiệt nước.

- Phòng trừ sâu bệnh: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sớm và phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại chính như bệnh đạo ôn, bạc lá, khô vằn, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu... theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng và khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn tại địa phương.

- Thu hoạch: Khi ruộng lúa chín 85 - 90% thì tiến hành thu hoạch, sau khi tuốt, lúa nên được phơi ngay dưới nắng nhẹ, không nên phơi thóc lúc nhiệt độ quá cao hạt gạo dễ bị gãy, giảm tỷ lệ gạo nguyên khi xay xát, ảnh hưởng đến chất lượng gạo.

2.4. Thông tin cảnh báo an toàn:

- Lưu ý: phòng trừ kịp thời các loại sâu bệnh hại chính theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn tại địa phương;

- Bón phân cân đối, nên dùng phân tổng hợp NPK của đơn vị cung cấp uy tín và bón theo khuyến cáo của nhà sản xuất và quy trình kỹ thuật canh tác của giống./.

Thần Nông
nhà nông yêu công nghệ